

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 3 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thái và ông Mai Văn Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị D, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1987; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang cư trú tại: N.311 Chih sien 1 st Road, Xixing D C, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, Bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Trương Thị D trình bày:

Chị và anh Trương Văn Đ tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Khoảng tháng 9/2014, anh Đ xuất khẩu lao động sang Đài Loan, từ đó vợ chồng ít liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Trương Tuấn A, sinh ngày 31/10/2014. Nguyên vọng của chị là sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chung sống vợ chồng chưa tôn tạo được tài sản chung gì, không có nợ chung, do đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trương Văn Đ hiện đang làm việc và cư trú tại: N.311 C st R, Xixing D C - Đài Loan. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Trương Văn Đ, tuy nhiên, cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh Đ. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Đ tiếp tục không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên toà và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn - chị D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phía bị đơn - anh Trương Văn Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Trương Văn Đ. Giao con chung là Trương Tuấn A cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Về tài sản chung của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc các đương sự chịu án phí và lệ phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Theo Công văn số 1916/CV-QLXNC, ngày 10/7/2024 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh - Công an tỉnh Q thì anh Trương Văn Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 10/10/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Trương Thị D cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của anh Trương Văn Đ là: No.311 Chih sien 1 st Road, Xixing D C, Đài Loan. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Trương Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đề nghị Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ tiến hành niêm yết công khai

Đơn khởi kiện của chị D, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh Đ tại Văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh Trương Văn Đ và thông báo cho anh Đ biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị D và anh trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (02,03,04/01/2025), nhưng vẫn không nhận được thông tin hồi âm từ anh Đ. Phía nguyên đơn - chị Trương Thị D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 và các điểm b, c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trương Văn Đ và chị Trương Thị D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị D và anh Trương Văn Đ là hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh Đ đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị D và anh Đ không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị D với anh Đ đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh Đ.

[2.2]. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giữa chị Trương Thị D và anh Trương Quang Đ1 có 01 con chung là Trương Tuấn A, sinh ngày 31/10/2024. Nguyên vọng của chị D là sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi con. Nguyên vọng của cháu Trương Tuấn A cũng mong muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ phải ly hôn. Xét thấy, hiện tại anh Đ1 đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Trương Tuấn A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con một mình, vì vậy, không buộc anh Đ1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Chị Trương Thị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài:

Chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị D và anh Trương Văn Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 474, Điều 475, các điểm b, c khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị D được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là Trương Tuấn A, sinh ngày 31/10/2014 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không buộc anh Trương Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trương Thị D do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

- Chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004915 ngày 27/5/2024. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chị Trương thị D phải chịu 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ2. Số tiền này chị D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Án sơ thẩm xử công khai, chị Trương Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Anh Trương Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2025;
Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thái
 Ông Mai Văn Ngọc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Duyên, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: TDP Nhân Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn Đại, sinh năm 1987; địa chỉ trước khi xuất cảnh: TDP Nhân Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại: No.311 Chih sien 1 st Road, Xixing District 800 Cao Hùng - Đài Loan; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử

dụng án phí lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trương Thị Duyên được ly hôn với anh Trương Văn Đại.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Xử giao cháu Trương Tuấn Anh, sinh ngày 31/10/2014 cho chị Duyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Đại cấp dưỡng nuôi con do chị Duyên không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trương Thị Duyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số 0004915 ngày 27/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị Duyên đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chi phí tố tụng khác: Chị Duyên phải chịu 3.750.000 đồng tiền chi phí tố tụng khác, bao gồm 1.500.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam. Số tiền này chị Duyên đã nộp đủ.

4. *Án sơ thẩm xử công khai*, chị Trương Thị Duyên có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trương Văn Đại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA